



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

SỔ TAY
THAM KHẢO PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN
NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ

Hòa Bình, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ.....	6
1. Đặc điểm của NSPTX	6
2. Tổng quan về quy trình thực hiện NSPTX	6
PHẦN II: QUY TRÌNH THỰC HIỆN NGUỒN NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ.....	8
1. Chuẩn bị và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã.	8
1.1. Công tác chuẩn bị lập kế hoạch	8
1.2. Lập kế hoạch	8
1.3. Mối liên hệ giữa Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hàng năm của cấp xã và Ngân sách phát triển xã	9
2. Thành lập các đơn vị có liên quan.	10
2.1. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã	11
2.2. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	12
2.3. Ban phát triển thôn.....	14
2.4. Tổ thẩm định	15
3. Lập dự toán đầu tư công trình, thẩm định và phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.	16
3.1. Cơ sở pháp lý	16
3.2. Khảo sát.....	16
3.3. Lập hồ sơ xây dựng công trình và lấy ý kiến người dân.....	17
3.4. Thẩm định hồ sơ xây dựng công trình	20
3.5. Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.....	21

3.6. Lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.....	21
3.6.1. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng.....	22
3.6.2. Lựa chọn nhà thầu là doanh nghiệp để thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu.....	23
3.6.3. Chỉ định thầu đối với một phần hoặc toàn bộ công trình.....	24
3.7. Nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án.....	25
4. Tổ chức thực hiện, giám sát, thực hiện thanh toán, quyết toán.....	27
4.1. Tổ chức thực hiện.....	27
4.2. Giám sát thi công.....	27
4.3. Thanh toán, quyết toán.....	28
4.4. Thanh toán vốn đầu tư.....	29
4.5. Quyết toán.....	37
5. Nghiệm thu, bàn giao và xây dựng quy chế quản lý.....	39
5.1. Nghiệm thu công trình.....	39
5.2. Bàn giao.....	40
5.3. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng.....	40
6. Công khai nội dung thực hiện nguồn vốn.....	41
6.1. Trách nhiệm công khai:.....	41
6.2. Hình thức công khai:.....	41
6.3. Thời gian công khai:.....	41
6.4. Mẫu biểu công khai.....	42
PHẦN III: MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN.....	43
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	58

LỜI NÓI ĐẦU

SỔ TAY THAM KHẢO PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ TỈNH HÒA BÌNH là kết quả của Dự án “*Thúc đẩy công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý ngân sách nhà nước*” do Ban quản lý dự án Thúc đẩy công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình thực hiện, với sự tài trợ của Liên minh Châu Âu.

“Ngân sách phát triển xã” (NSPTX) là một thuật ngữ bắt nguồn từ một số dự án nước ngoài (*Dự án Giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc, Chương trình Cải thiện cung cấp dịch vụ công trong Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hòa Bình,...*) vì vậy trong quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thì không có khái niệm NSPTX. Quá trình tổ chức thực hiện nguồn NSPTX vừa nhằm mục đích thúc đẩy các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vừa tạo không gian và phương thức giúp người dân tham gia giám sát các hoạt động đầu tư.

Trong tài liệu này, ngân sách phát triển xã (NSPTX) được hiểu là khoản kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước với quy mô khoảng 200 triệu đồng/xã/năm, được phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 114/2015/NQ-HĐND ngày 03/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm hỗ trợ cho các hoạt động trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã¹. Kế hoạch này là một nội dung tại Quy định về quy trình lập, chỉ đạo thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, phường, thị trấn trên địa

¹ Khoản 3, Điều 3, Quy định về quy trình lập, chỉ đạo thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số: 10 /2010/QĐ-UBND ngày 15 /6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

bàn tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Cụ thể hơn, NSPTX dùng để thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng (*kênh mương, đường giao thông thôn nông thôn, công trình nước sạch, cống qua đường, cầu qua suối, sân hoạt động thể thao, nhà văn hoá thôn, bản, ...*) và hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã không thuộc đối tượng đang được hỗ trợ ngân sách từ các chương trình, dự án như: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Dự án Giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2. Hiện nay, đa số các xã đang sử dụng nguồn NSPTX để đầu tư cải tạo cơ sở hạ tầng của địa phương. Quá trình tổ chức thực hiện NSPTX nói riêng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã nói chung nhằm tăng cường năng lực cho các cán bộ xã và cộng đồng địa phương trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý trực tiếp các khoản đầu tư quy mô nhỏ tại xã, thôn, bản trong đó người dân được biết và tham gia vào hầu hết các khâu của quá trình thực hiện.

Qua năm tình hình thực hiện Nghị quyết tỉnh trong thời gian qua, nhận thấy việc thực hiện nguồn NSPTX đã tiếp nối những kết quả tốt đẹp có được từ những dự án trước đây. Tuy vậy, về cách thức tổ chức thực hiện, hình thức tham gia của người dân, quá trình lập hồ sơ thanh toán, quyết toán còn nhiều sự khác biệt giữa các địa phương. Từ đó, phía dự án cho rằng, việc xây dựng một Sổ tay có chất lượng những cách làm hay, cách làm phù hợp để làm tài liệu tham khảo cho các địa phương trên toàn tỉnh là một việc làm hết sức cần thiết. Vì vậy chúng tôi xây dựng cuốn sổ tay này với một số nội dung chính sau đây:

- Cung cấp hướng dẫn mang tính tham khảo về các bước thực hiện nguồn ngân sách phát triển xã đối với cấp xã, đảm bảo nội dung rõ ràng, dễ hiểu cho cả cán bộ và người dân.

- Hướng dẫn mang tính tham khảo về quy trình thanh toán, quyết toán trên cơ sở thực tế các địa phương đã thực hiện và các quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn mang tính tham khảo về phương pháp tổ chức, lấy ý kiến, tạo sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện nguồn vốn, vận động sự đóng góp của nhân dân.



*Thảo luận cùng nhóm người dân
tại xã Trại Hòa, xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ

1. Đặc điểm của NSPTX

- Nguồn vốn này giao toàn quyền thực hiện cho cấp xã và nhân dân địa phương, quá trình thực hiện có sự tham gia sâu của người dân từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, bàn giao và quản lý sử dụng.

- Dùng để thực hiện các công trình có kỹ thuật đơn giản, theo nhu cầu của người dân địa phương, phù hợp với khả năng đóng góp của người dân địa phương.

- Thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huy động nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp và nhân dân thông qua việc đóng góp bằng sức lao động, vật liệu, bằng tiền, đất....

- Hạn chế tối đa sử dụng nguồn NSPTX cho các chi phí gián tiếp, như: chi phí thiết kế, chi phí tư vấn, quản lý, giám sát,...

2. Tổng quan về quy trình thực hiện NSPTX

Trước khi đề cập đến quy trình thực hiện NSPTX, chúng ta cần nhắc lại lưu ý, NSPTX chỉ là một nguồn vốn nhỏ để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã, vì vậy bản thân nguồn vốn này không tách rời khỏi sự lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) của địa phương.

Về quy trình chung để thực hiện nguồn NSPTX, qua tham khảo các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của Tỉnh, thực tế thực hiện ở các địa phương, chúng tôi cụ thể hóa quy trình thành 6 bước, trên thực tế có thể mỗi địa phương sẽ có những khác biệt đôi chút, tuy vậy một quy trình chung mang tính tham khảo rất cần thiết để chúng tôi hệ thống các thông tin đã thu thập được. Nội dung trong sổ tay này sẽ được trình bày theo các bước này. Cụ thể như sau:

Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã.

Bước 2: Thành lập các đơn vị có liên quan.

Bước 3: Lập dự toán đầu tư công trình, thẩm định và phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

Bước 4: Tổ chức thực hiện, giám sát, thực hiện thanh toán, quyết toán.

Bước 5: Nghiệm thu, bàn giao và xây dựng quy chế quản lý.

Bước 6: Công khai nội dung thực hiện nguồn vốn.

PHẦN II: QUY TRÌNH THỰC HIỆN NGUỒN NGÂN SÁCH PHÁT TRIỂN XÃ

1. Chuẩn bị và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã.

Hàng năm, theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 927/KHĐT-THQH ngày 29/6/2010 về thực hiện lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã của tỉnh Hoà Bình, UBND xã triển khai việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã theo các nội dung theo quy định của UBND tỉnh² và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá trình lập kế hoạch này được nêu tóm tắt như sau:

1.1. Công tác chuẩn bị lập kế hoạch

a) Thành lập hoặc kiện toàn Tổ xây dựng kế hoạch thôn, bản. Trưởng xóm là tổ trưởng, các thành viên bao gồm đại diện các ban, ngành, đoàn thể xóm và các thành viên khác giúp tổ trưởng trong công tác lập kế hoạch.

b) Thành lập hoặc kiện toàn Tổ xây dựng kế hoạch xã. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã làm Tổ trưởng, các thành viên bao gồm đại diện các ban, ngành, đoàn thể của xã, trưởng các xóm.

1.2. Lập kế hoạch

a) Nội dung bản kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã bao gồm các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

² Quy định về quy trình lập, chỉ đạo thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

b) Bản kế hoạch được xây dựng từ thông tin đề xuất của các xóm nhờ sự tham gia của người dân, thông tin của các ban, ngành, đoàn thể, trường học... trên địa bàn, văn bản chỉ đạo của cấp huyện. Quá trình lập kế hoạch này đề cao sự tham gia của người dân trong việc cho ý kiến đối với các vấn đề chung, nhu cầu của địa phương.

c) Quá trình lập kế hoạch bao gồm nhiều bước, được thực hiện từ tháng 5 cho đến khi thông qua tại Kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân xã (vào tháng 12) để làm cơ sở thực hiện cho năm sau.

1.3. Mối liên hệ giữa Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm của cấp xã và Ngân sách phát triển xã

Ngân sách phát triển xã dùng để chi hỗ trợ cho các hoạt động trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm của cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình³. Chính vì như vậy, trách nhiệm của người dân là phải tích cực tham gia cho ý kiến cụ thể đối với bản kế hoạch, để từ đó các mong muốn thực tế của địa phương sẽ được ưu tiên giải quyết bằng nguồn ngân sách phát triển xã. Các hoạt động, công trình dự kiến thực hiện trên địa bàn xã sẽ được nêu chi tiết, đầy đủ trong kế hoạch này. Vì vậy, để đảm bảo đề xuất của từng xóm có tính khả thi và sớm có vốn để thực hiện, các trưởng xóm hoặc người có trách nhiệm cần sát sao với cán bộ xã trong quá trình lập kế hoạch để đưa được các công trình cần thiết của xã vào bản kế hoạch này.

Đối với cán bộ lập kế hoạch cần lưu ý, mức tiền hỗ trợ của NSPTX được đánh giá thông qua chấm điểm quá trình tổ chức lập kế hoạch. Vì vậy, cán bộ thực hiện lập kế hoạch cần đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các bước của quy trình lập kế hoạch theo hướng dẫn để số tiền được phân bổ cho địa phương mình là tối đa.

³ Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 114/2015/NQ-HĐND ngày 03/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về quy định mức hỗ trợ ngân sách phát triển xã giai đoạn 2016 - 2020



Ảnh tư liệu: Lớp tập huấn kỹ năng thẩm tra, giám sát ngân sách cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện của tỉnh Hòa Bình năm 2017 trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy công khai minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý ngân sách nhà nước”

2. Thành lập các đơn vị có liên quan.

Để chuẩn bị cho việc tiếp nhận và thực hiện nguồn vốn NSPTX, việc thành lập (nếu chưa có) hoặc kiện toàn (nếu đã có) các tổ chức để thực hiện các bước triển khai nguồn vốn là cần thiết. Qua tham khảo chúng tôi nhận thấy cần thành lập hoặc kiện toàn một số cơ quan bao gồm: Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (gọi tắt là Ban Quản lý xã), Ban giám sát cộng đồng xã, Ban Phát triển thôn.

Theo quy định, việc thực hiện nguồn ngân sách phát triển xã được khuyến khích thực hiện theo mô hình thành lập ban quản lý dự án có sự tham gia rộng rãi của cộng đồng. Ban quản lý này cần phát

huy tối đa sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện dự án.⁴ Như vậy, trong trường hợp địa phương đã thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã thì nên để ban này tổ chức thực hiện nội dung liên quan đến nguồn NSPTX là tốt nhất.

2.1. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã

a) Căn cứ thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (gọi tắt là Ban quản lý xã)⁵

Thành lập Ban quản lý xây dựng NTM xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) do Ủy ban nhân dân xã (UBND xã) quyết định thành lập. Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban. Thành viên là một số công chức xã, đại diện một số ban, ngành, đoàn thể chính trị xã và trường thôn. Thành viên Ban quản lý xã chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Chức năng, quyền hạn của Ban quản lý xã.

- Ban quản lý xã trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

- Ban quản lý xã có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

- Ban quản lý xã là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng NTM trên địa bàn xã. UBND tỉnh và UBND huyện có trách nhiệm

⁴ Mục 2, Điều 17, Quy định về quy trình lập, chỉ đạo thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

⁵ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNTBKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Liên bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý xã thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

- Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

- + Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư. Trong trường hợp, đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, UBND xã có thể thuê một đơn vị/tổ chức có đủ năng lực quản lý để hỗ trợ hoặc chuyển cho UBND huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã. Việc thuê đơn vị/tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

Công dân có quyền giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Nội dung Giám sát đầu tư của cộng đồng được nêu tại Chương VII, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư. Cụ thể về Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng như sau:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

- Chủ trì thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban ít nhất là 05 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn;

- Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình,

chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

- Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát đầu tư;

- Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

- **Lưu ý:** Để tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả trong giám sát, kế hoạch giám sát nên được thảo luận phối hợp cùng Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã. Quá trình giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tất yếu sẽ có những hạn chế về mặt nội dung, do hình thức tổ chức và thẩm quyền, tuy vậy, cốt lõi của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng là quá trình giám sát của người dân, mọi lúc, mọi nơi trong từng công trình, đó là kênh thông tin rộng khắp và hiệu quả. Kết quả giám sát cộng đồng như là các ý kiến, bằng chứng làm cơ sở để kiến nghị trực tiếp với Chủ đầu tư, đơn vị thi công hoặc trình với Hội đồng nhân dân xã tổ chức giám sát sâu hơn.

b) Chủ tịch UBND xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND xã (*UBND xã*) phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

- Tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền; tiếp nhận và thông tin

cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình;

- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng.

2.3. Ban phát triển thôn

Cấp thôn, bản: Thành lập Ban phát triển thôn, thành viên là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai các hoạt động do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận (*gồm người đại diện lãnh đạo thôn, đại diện các đoàn thể chính trị và hội ở thôn và một số người có năng lực chuyên môn khác liên quan đến xây dựng NTM*). Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng NTM. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

b) Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, bản đề án xây dựng NTM chung của xã theo yêu cầu của Ban quản lý xã. Thực hiện công tác xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm của cấp xã.

c) Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao nằm trên địa bàn thôn (đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa thôn).

d) Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang cổng ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.

e) Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động.

g) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.

h) Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

i) Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

2.4. Tổ thẩm định

UBND xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo UBND xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (sau đây gọi là Ban Giám sát cộng đồng xã), tài chính - kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn.



Khảo sát thực địa công trình

3. Lập dự toán đầu tư công trình, thẩm định và phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

3.1. Cơ sở pháp lý

Sau khi UBND tỉnh quyết định chi tiết phân bổ NSPTX, có quyết định bổ sung kinh phí NSPTX từ ngân sách cấp huyện, UBND xã thực hiện công tác lập dự toán đầu tư công trình. Qua nghiên cứu thực tế về cách làm của các địa phương, cho thấy việc áp dụng quy trình lập quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ là phù hợp với việc thực hiện nguồn NSPTX. Vì vậy, chúng tôi đưa nội dung tại nghị định này áp dụng đối với nguồn NSPTX và kết hợp với các ví dụ trong thực tế để người đọc tham khảo về cách làm đối với bước này.

Trước hết, về mặt quy định, công trình từ nguồn NSPTX phù hợp với các tiêu chí quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng.
2. Dự án nằm trên địa bàn 01 xã và do Ủy ban nhân dân xã quản lý.
3. Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.
4. Sử dụng một phần ngân sách Nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền.

3.2. Khảo sát

Ban Phát triển thôn cùng với đại diện nhóm hộ hưởng lợi tiến hành khảo sát tại thực địa. Bước khảo sát này phải nghiên cứu các điều kiện tự nhiên của địa điểm xây dựng công trình (địa hình, địa chất, thủy văn, nguồn vật liệu xây dựng...) đồng thời với đó là dự kiến nhu cầu sử dụng công trình trong thực tế (ví dụ như làm đường giao thông nội đồng, xác định chiều rộng bề mặt phụ thuộc vào nhu cầu của người

dân thường xuyên sử dụng phương tiện gì (xe đạp, xe máy, xe cải tiến, công nông, máy gặt,...).

Công tác khảo sát được tiến hành một cách đơn giản nhằm xác định địa điểm thi công, quy mô công trình. Kết quả khảo sát phải đưa ra được những thông tin phục vụ cho việc đề xuất những giải pháp thiết kế và thi công. Giải pháp thi công phải đơn giản để người dân có thể thi công và hướng đến việc sử dụng nguyên vật liệu khai thác tại địa phương.

3.3. Lập hồ sơ xây dựng công trình và lấy ý kiến người dân

a) Các dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (gọi tắt là hồ sơ xây dựng công trình) thay cho báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) Nội dung của hồ sơ xây dựng công trình:

- Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thời gian thực hiện;

- Tổng mức đầu tư, trong đó gồm kinh phí Nhà nước hỗ trợ (*ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương các cấp*), đóng góp của người dân, huy động khác. Bảng kê các chi phí, trong đó, ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ và đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được phép áp dụng theo giá thị trường;

- Bản vẽ thi công (*nếu có*) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình;

- Khả năng tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi.

c) Ủy ban nhân dân xã giao cho thôn thực hiện công trình thì Ban phát triển thôn có trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình gửi Ủy ban nhân dân xã thẩm định và phê duyệt.

d) Lấy ý kiến người dân

Sau khi lập dự toán, thôn và Ban Phát triển thôn tổ chức họp dân, công bố toàn văn nội dung bản dự toán để lấy ý kiến người dân trong thôn về các nội dung trong dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của người dân đối với công trình. Cuộc họp mời đại diện của

Ban giám sát của cộng đồng tham dự, nội dung được ghi biên bản chi tiết.

- Trong trường hợp người dân đồng ý phương án do Ban phát triển thôn đề xuất thì Ban phát triển thôn hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp thôn.

- Trong trường hợp người dân chưa đồng ý với phương án do Ban phát triển thôn đề xuất thì Ban phát triển thôn phải ghi chép lại lý do chi tiết tại biên bản họp thôn.

- Trong trường hợp người dân có những đề xuất các công trình mới có tính hợp lý thì Ban Phát triển thôn tiếp tục phối hợp với cán bộ chuyên môn để lập dự toán và họp lại để đi đến quyết định cuối cùng.

Quá trình lấy ý kiến người dân về dự toán có thành công hay không, phụ thuộc chủ yếu vào việc thôn và Ban phát triển thôn vận động sự tham gia của người dân đến đâu. Để có được sự tham gia của người dân, trước hết cần có sự công khai, minh bạch đối với việc cung cấp thông tin về dự toán công trình cho người dân. Dự toán ở đây không phải chỉ là những con số, thuyết minh mà là cả con người, con người không chỉ là nhân lực thi công mà phải là những người phụ trách địa bàn, phụ trách công trình có uy tín, có sự tin tưởng của người dân.

Người dân có thể làm được nhiều việc, nhưng cũng có những việc cần có người có chuyên môn và đủ tin tưởng để giao phó trách nhiệm. Người đại diện sẽ là người tạo ra được sự đồng thuận trong nhóm người dân và đứng ra để ký kết các hợp đồng. Người này có thể là Trưởng thôn, Trưởng xóm, Bí thư Chi bộ xóm, một cán bộ xã hoặc là bất cứ ai.

Ví dụ điển hình cho việc này là đoạn đường bê tông của 08 gia đình ở xóm Trại Hòa, xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn. Mỗi khẩu đóng góp 1.000.000 đồng, một mức đóng góp cao hơn hầu hết các địa điểm khảo sát khác (dưới 500.000 đồng/khẩu). Tuy vậy, qua khảo sát cho thấy người dân rất phấn khởi, hồ hởi vì hoàn thành được con đường mới, với sự tin tưởng tuyệt đối vào cán bộ địa phương là người hướng dẫn xóm thực hiện công trình.

“Xóm Trại Hòa, xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn tuyến đường chỉ đi qua 8 hộ, quá trình chuẩn bị và thi công tuyến đường được tiến hành đơn giản. Nhóm 8 hộ chỉ họp trong một buổi là quyết định xong mức đóng góp, hình thức làm. Người dân trong xóm hoàn tin tưởng và giao cho anh Đạt (1 hộ trong xóm) tính toán và chủ trì công việc. Các hộ nộp trước 1 triệu để trả tiền thuê máy ủi san nền, số tiền còn lại anh Đạt ứng ra để làm trước, các khoản tiền: sỏi, công đều có thể trả chậm. (Cho đến khi tiến hành khảo sát, các hộ vẫn chưa phải đóng thêm tiền).”⁶

Sự tham gia của người dân cũng có thể giúp tìm ra những cách làm mới, những phương án rẻ tiền hơn, giảm thiểu chi phí hơn hoặc phù hợp với tình hình địa phương. “Xóm Quê Sù, xã Cao Rãm, huyện Lương Sơn làm tuyến đường dài hơn (1000m), trong điều kiện lao động chủ lực của xóm đều đi làm ăn xa. Qua tư vấn của cán bộ xã, người dân trong xóm đã lựa chọn mua xe bê tông tươi để giảm bớt nhân công và rút ngắn thời gian thi công. Trưởng xóm cho biết: “Chúng tôi rút kinh nghiệm từ xóm Hoi làm đường bê tông trước chúng tôi, họ trộn bê tông thủ công mất rất nhiều thời gian và công sức, chúng tôi thì đàn ông đi làm xa cả, nên chọn cách mua bê tông tươi làm chỉ mất 5 ngày”. Đợt đầu xóm làm trong 4 ngày liên tục được 800m đường, sau đó dừng lại 10 ngày để chờ bê tông khô, trong lúc này, họ lại tiếp tục thu tiền từ các hộ rồi mới làm tiếp.”⁷

*** Một số động lực tạo nên sự đồng thuận tham gia của người dân vào đóng góp, thực hiện và giám sát các công trình như sau:**

- Công trình có tính thiết thực, bức thiết với đời sống hằng ngày của người dân.

⁶ Báo cáo kiểm toán xã hội công trình đầu tư công tại huyện Lương Sơn và Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

⁷ Báo cáo kiểm toán xã hội công trình đầu tư công tại huyện Lương Sơn và Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

- Việc đóng góp của người dân được công nhận, biểu dương và ghi nhận một cách đúng mức.

- Dự toán về vật tư chi tiết, phù hợp giá cả ở địa phương.

- Người tổ chức thực hiện là người có uy tín với người dân.

- Công trình gắn với từng nhóm hộ có chung nhu cầu. Ví dụ như đường qua ruộng chung, mương nước chung, đường bê tông chung.

- Cảm thấy thoải mái và công bằng giữa người có điều kiện đóng góp và người không có điều kiện đóng góp. Ví dụ: Nhóm hộ làm chung đường có 01 hộ nghèo, hộ này không phải đóng góp nhưng phải quét dọn đường đi.

- Cảm thấy công bằng trong đóng góp trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ: Năm nay đóng góp thì năm sau không cần đóng nữa, đóng góp cho đường đi chung ở gần nhà thì không phải đóng góp cho đường đi chung ở xa nhà...

3.4. Thẩm định hồ sơ xây dựng công trình

a) Hồ sơ thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình; biên bản các cuộc họp của cộng đồng và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

b) Cơ quan thẩm định:

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ xây dựng công trình. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thành lập tổ thẩm định, gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Tổ trưởng, đại diện ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã, tài chính - kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn;

- Trường hợp Ủy ban nhân dân xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn của huyện thẩm định.

c) Nội dung thẩm định:

- Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các quy hoạch xây dựng và đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã;

- Đánh giá sự phù hợp của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình với điều kiện thực tế của mặt bằng thi công công trình;

- Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của người dân và cộng đồng được giao thi công;

- Chủ trương đầu tư và khả năng huy động vốn (*Nhà nước, đóng góp của người dân, các nguồn lực khác*) theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và báo cáo thẩm định nguồn vốn và mức vốn ngân sách Nhà nước (*đối với dự án được đầu tư từ phần vốn ngân sách Nhà nước không thuộc ngân sách cấp xã trực tiếp đầu tư*);

- Tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương (*giá thị trường*), với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (*nếu có*).

d) Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Cơ quan thẩm định có báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân xã; thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

Căn cứ ý kiến thẩm định, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo hoàn thiện và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.

Điều kiện về thời hạn phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hàng năm: Trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.

3.6. Lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

Qua khảo sát thực tế cho thấy, phương thức sử dụng NSPTX để hỗ trợ cho người dân ở các địa phương có sự khác nhau, trước hết là do việc lựa chọn phương pháp tổ chức thực hiện khác nhau ở khâu lập dự toán. Vì vậy, việc lựa chọn nhà thầu cũng có những nét khác

biệt. Theo dõi bảng dưới đây, ta có thể thấy nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau ở những địa phương đã được khảo sát.

	Hình thức hỗ trợ tài chính của UBND xã
Xóm Trai Hòa	Tiền mặt
Xóm Quê Sụ	Mua vật liệu
Xóm Piêng Phung	Mua vật liệu chuyển về công trình
Xóm Chiềng Châu	Ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu

Nguồn: Báo cáo kiểm toán xã hội công trình đầu tư công tại huyện Lương Sơn và Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

Tại sổ tay này, chúng tôi tổng hợp một số hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật để người đọc có thể vận dụng trong điều kiện địa phương mình.

3.6.1. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng

Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: tham gia thực hiện của cộng đồng.

Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu:

a) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương được coi là có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu khi người dân thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ, nhóm thợ, tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu;

b) Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ:

a) Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên;

b) Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng để các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn biết. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu;

c) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện;

d) Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán và ký kết hợp đồng. Chỉ giao tổ, nhóm thợ địa phương thực hiện khi cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể không có đơn đăng ký thực hiện gói thầu, dự án hoặc không đáp ứng yêu cầu;

đ) Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày.

3.6.2. Lựa chọn nhà thầu là doanh nghiệp để thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu.

Việc lựa chọn nhà thầu là doanh nghiệp tuy không phổ biến nhưng cũng là một sự lựa chọn trong trường hợp cộng đồng địa phương không thể tự triển khai được công trình do những lý do bất khả kháng về kỹ thuật, nhân lực... Tuy vậy, phương án này có nhiều điểm khó trong thực hiện công khai, minh bạch và giám sát, trong trường hợp này, người tổ chức thực hiện phải hết sức thận trọng và cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân. Người dân trước khi lựa

chọn phương án này cũng phải cân nhắc rất kỹ lưỡng để đảm bảo tính công khai, minh bạch đồng thời mời đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tham gia cho ý kiến đối với phương án này. Lời khuyên ở đây được chúng tôi đưa ra là chỉ nên ký kết với doanh nghiệp những nội dung trong gói thầu mà thực sự cộng đồng không thể thực hiện được vì quy trình lựa chọn nhà thầu này tương đối phức tạp và mất thời gian.

Chi tiết về nội dung này, được hướng dẫn tại Mục 1, Chương VI, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bảng so sánh đặc điểm của các loại nhà thầu

Tiêu chí	Cộng đồng, nhóm thợ	Doanh nghiệp
Nhân lực	Ít	Nhiều
Kỹ thuật	Thấp	Cao
Thiết bị	Thô sơ	Máy móc
Chi phí	Thấp	Cao
Giám sát	Dễ	Khó
Hồ sơ, chứng từ	Khó	Dễ

3.6.3. Chỉ định thầu đối với một phần hoặc toàn bộ công trình

Việc chỉ định thầu chỉ nên thực hiện với nguồn NSPTX khi vướng phải những yêu cầu về mặt thời gian. Chỉ định thầu thực hiện đối với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công. Việc chỉ định thầu áp dụng cho tất cả các hình thức nhà thầu bao gồm doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, tổ nhóm thợ. Quy trình cụ thể như sau:

- Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư xác định có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu

cầu của gói thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

- Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

- Ký kết hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, biên bản thương thảo hợp đồng và các tài liệu liên quan khác

3.7. Nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án

a) Cơ sở pháp lý

Nhằm hỗ trợ quá trình chuẩn bị và quản lý các dự án từ nguồn NSPTX nói riêng và các dự án được quy định tại 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ nói chung, HĐND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 về quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án nhóm C quy mô nhỏ theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, nguồn vốn NSPTX là một nguồn vốn nhỏ, vì vậy việc áp dụng các chi phí dưới đây phải được thực hiện một cách thận trọng, chính xác và công khai. Nội dung như sau:

b) Chi phí Ban quản lý xã

Xác định theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, điều chỉnh với hệ số $K=0,8$.

Mức chi phí Ban quản lý xã được tính bằng tỷ lệ (%) của tổng chi phí xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước trong hồ sơ xây dựng công trình (chưa có thuế giá trị gia tăng) được duyệt và được quy định theo từng loại công trình cụ thể như sau:

- Công trình dân dụng bằng 2,63%.

- Công trình giao thông bằng 2,35%.
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng 2,49%.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật bằng 2,21%.

c) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình (thay cho Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) được tính bằng tỷ lệ % của tổng chi phí xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước trong hồ sơ xây dựng công trình (chưa có thuế giá trị gia tăng).

Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành được tính theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

- Đối với công trình có tổng mức đầu tư < 1,0 tỷ đồng.
 - + Công trình dân dụng bằng 5,2%.
 - + Công trình giao thông bằng 4,32 %.
 - + Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng 4,96%.
 - + Công trình hạ tầng kỹ thuật bằng 4,64%.
 - Đối với công trình có tổng mức đầu tư từ 1 tỷ đồng đến < 3 tỷ đồng
 - + Công trình dân dụng bằng 3,76%.
 - + Công trình giao thông bằng 2,88%.
 - + Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng 3,52%.
 - + Công trình hạ tầng kỹ thuật bằng 3,36%.
 - Đối với công trình có tổng mức đầu tư từ 3 tỷ đồng đến < 5,0 tỷ đồng.
 - + Công trình dân dụng bằng 3,56%.
 - + Công trình giao thông bằng 2,52%.
 - + Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng 3,32%.
 - + Công trình hạ tầng kỹ thuật bằng 3,04%.
- d) Chi phí giám sát đầu tư của cộng đồng xã.

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã được hưởng chi phí giám sát bằng 1,2% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng).

e) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (thay cho báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình điều chỉnh với hệ số $K=0,8$ trên chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể bằng 0,0152% /Tổng mức đầu tư.

4. Tổ chức thực hiện, giám sát, thực hiện thanh toán, quyết toán.

4.1. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư chỉ đạo các nhà thầu tổ chức thực hiện từng phần công việc theo kế hoạch đã đề ra, thi công đúng tiến độ đã đề ra, vận động người dân đóng góp về nhân lực, vật lực đúng cam kết. Chủ đầu tư cần bố trí cán bộ có chuyên môn thường xuyên xuống hiện trường để hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho nhà thầu trong trường hợp cần thiết.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, việc thu các khoản đóng góp bằng tiền của người dân là việc làm cần thiết để có đủ nguồn lực đầu tư cho công trình theo dự toán ban đầu đã đề ra. Tuy vậy, không phải hộ gia đình nào cũng có khả năng đáp ứng ngay các khoản thu. Vì vậy, để thực hiện công trình đảm bảo tiến độ đề ra, kinh nghiệm của các địa phương trong việc này là chia khoản thu thành nhiều đợt có thể thu sau khi công trình đã hoàn thành hoặc theo từng giai đoạn thi công của công trình.

4.2. Giám sát thi công

Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc thành lập, lập kế hoạch, hướng dẫn Ban giám sát đầu tư của cộng đồng giám sát tất cả các bước thực hiện của dự án đầu tư theo đúng nội dung và quyền hạn của mình theo quy định pháp

luật⁸. Người dân địa phương hỗ trợ Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc nắm bắt thông tin từ hiện trường. Việc thực hiện giám sát của cộng đồng có thể thực hiện bằng mấy phương pháp:

- Cách tiếp cận thông thường thông qua giám sát bằng cảm quan, kinh nghiệm, sau đó tổng hợp nội dung và thông báo với các bên liên quan.

- Giám sát của các cơ quan nhà nước đã thực hiện trong những năm qua thông qua báo cáo và khảo sát thực địa của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

Với năng lực và thẩm quyền có phần hạn chế của các Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, việc thực hiện giám sát nên có sự hỗ trợ, phối hợp từ Hội đồng nhân dân cấp xã. Quá trình thu thập thông tin cần thiết phải có sự thận trọng, mọi đánh giá, ý kiến đối với nhà thầu, chủ đầu tư đều cần phải có cơ sở vững chắc. Với các công trình quy mô nhỏ như NSPTX, nội dung giám sát nên tập trung quan tâm trong công tác giám sát là các hoạt động mua bán vật liệu, chất lượng vật liệu, kỹ thuật thi công công trình.

4.3. Thanh toán, quyết toán

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật, chúng tôi nhận thấy các quy định về thanh toán, quyết toán đối với NSPTX tương đối phù hợp với nội dung tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn. Trong tài liệu này chúng tôi sẽ trình bày quy trình thanh toán, quyết toán theo quy định của văn bản này, tuy vậy trên thực tế việc áp dụng quy trình thanh toán, quyết toán cần xin ý kiến cụ thể từ cơ quan tài chính cấp huyện và Kho bạc Nhà nước cấp huyện để đảm bảo đúng với quy định hiện hành tại địa phương.

⁸ Chương VII, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

a) Nguyên tắc quản lý vốn đầu tư

- Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, Người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư; chỉ được quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 3 năm. Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách cấp trên thì trước khi phê duyệt dự án đầu tư, phải có thỏa thuận bằng văn bản về nguồn vốn của cấp hỗ trợ vốn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án đầu tư cụ thể, do Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua và được đưa vào nguồn thu của ngân sách xã.

4.4. Thanh toán vốn đầu tư

a) Mở tài khoản:

- Chủ đầu tư được mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc Nhà nước (*nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã*) theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc nhà nước hướng dẫn mở tài khoản cho Chủ đầu tư.

b) Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư:

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, Chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước (*nơi mở tài khoản thanh toán*) các tài liệu cơ sở của dự án đầu tư (*các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư; tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp có sự bổ sung, điều chỉnh*), bao gồm:

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- + Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt.
- + Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.
- + Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu.
- Đối với dự án thực hiện đầu tư:
 - + Dự án đầu tư xây dựng công trình (*hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật*) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.
 - + Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (*gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng*).
 - + Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (*trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật*).
 - + Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (*trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*).

c) Tạm ứng vốn:

Kho bạc Nhà nước thanh toán cho Chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc để thực hiện các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng; việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

- Mức vốn tạm ứng được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan tài chính địa phương.

- Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu của dự án và mức vốn tạm ứng quy định ở trên; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi tới Kho bạc Nhà nước gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính).

+ Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

+ Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng; là bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư).

- Thu hồi vốn tạm ứng:

+ Vốn tạm ứng được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, Chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng; Đối với các công việc khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc bồi thường, hỗ trợ.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

+ Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích, thì

Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc Nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

+ Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

- Nhà nước cấp vốn cho Chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (*trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau*). Chủ đầu tư có thể thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì Chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

e) Thanh toán khối lượng hoàn thành:

- Đối với công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng; cụ thể:

+ Đối với hợp đồng trọn gói: thanh toán theo tỉ lệ phần trăm (%) giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (*kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có*) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (*kể cả khối lượng tăng hoặc giảm*

được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng theo thời gian: Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân (x) với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ); Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng; Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%): thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng: việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định ở trên đây.

+ Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng: việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thoả thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì Chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

(1) Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

(2) Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thoả thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

(3) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá cố biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(4) Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì Chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

+ Hồ sơ thanh toán: khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng (hoặc hợp đồng bổ sung), Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

(1) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính).

(2) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính).

(3) Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

- Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

+ Đối với các công việc như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện,...: việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

+ Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng công tác bồi thường, hỗ trợ đã thực hiện (*theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính*); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

e) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức người dân trong xã tự làm:

- Đối với gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, mà người dân trong xã có thể tự làm được, thì Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư giao cho người dân trong xã tự tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật. Thực hiện hình thức này, Chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng với người dân thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia thi công xây dựng bầu; Người đại diện có thể là tổ, đội xây dựng cũng có thể là nhóm người có một người đứng ra chịu trách nhiệm). Khi áp dụng hình thức này phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của hình thức này: ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Chủ đầu tư bổ sung thêm văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân trong xã tự làm.

- Hồ sơ tạm ứng vốn và thanh toán khối lượng hoàn thành áp dụng tương tự các quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Gói thầu do người dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị của hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu. Vốn tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Căn cứ hợp đồng và khối lượng xây dựng hoàn thành được nghiệm thu; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán), gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán) cho Người đại diện.

Trường hợp Người đại diện không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

- Khi thanh toán cho gói thầu do người dân trong xã tự làm thì cơ quan thanh toán không thanh toán giá trị chi phí của các công việc người dân không thực hiện và phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

g) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư.

Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án đầu tư không được vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

h) Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán:

- Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của nhà thầu; Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) tới Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản).

- Thời hạn thanh toán: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) do Chủ đầu tư gửi (*theo Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính*); trong thời gian 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), căn cứ hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng); Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) vốn cho Chủ đầu tư và theo đề nghị của Chủ đầu tư thanh toán (hoặc tạm ứng) cho các nhà thầu, các đơn vị liên quan; đồng thời thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).

4.5. Quyết toán

a) Quyết toán dự án hoàn thành.

- Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã và các dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp trên giao Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế

độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (*cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính*).

- Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

+ Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 03 tháng, Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chậm nhất sau 02 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

+ Trường hợp, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

(1) Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

+ Nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (kiểm toán) và nội dung báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (*báo cáo kết quả kiểm toán*) theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán (báo cáo kết quả kiểm toán) vốn đầu tư dự án hoàn thành của các tổ chức, đơn vị thẩm tra; Chủ đầu tư kiểm tra, trình Người quyết định đầu tư quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- + Chủ đầu tư.
- + Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản).
- + Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
- + Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được lập và lưu trữ theo chế độ lưu trữ hồ sơ.

5. Nghiệm thu, bàn giao và xây dựng quy chế quản lý.

5.1. Nghiệm thu công trình

Việc thực hiện nghiệm thu công trình là rất quan trọng và cần thiết cho mỗi công trình xây dựng. Đây là những căn cứ, là sự đảm bảo an toàn và chất lượng của công trình theo đúng hợp đồng và tuân thủ các quy trình xây dựng đúng pháp luật.

Trong quá trình nghiệm thu phát hiện các lỗi, những bộ phận kém chất lượng do lỗi thì tổ đội thi công phải khắc phục và chịu mọi chi phí. Trường hợp công việc không được nghiệm thu do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả và đền bù phí tổn cho tổ đội thi công. Kết thúc nghiệm thu phải có biên bản về nội dung nghiệm thu và có xác nhận của các bên.

Thành phần tham gia nghiệm thu bao gồm:

- Đại diện chủ đầu tư;
- Đại diện (các) nhà thầu;
- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Đại diện nhóm hộ hưởng lợi.

5.2. Bàn giao

Sau khi nghiệm thu công trình đảm bảo chất lượng, Chủ đầu tư (UBND xã) tiến hành bàn giao công trình cho cộng đồng dân cư được hưởng lợi quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng.

Khi được bàn giao, UBND cấp xã sao 01 bộ hồ sơ liên quan đến công trình cho Ban giám sát của cộng đồng để phục vụ cho công tác giám sát; sao 01 bộ hồ sơ gửi cho đại diện của các hộ hưởng lợi hoặc trưởng thôn, bản, tổ dân phố nhằm phục vụ cho quá trình quản lý, sử dụng và duy tu bảo dưỡng sau này.

5.3. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng

Sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao cho thôn hưởng lợi đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư (UBND xã) giao cho cán bộ chuyên môn cấp xã hướng dẫn thôn hưởng lợi quản lý, vận hành và bảo dưỡng. Trưởng thôn, bản, tổ dân phố họp các hộ dân, phổ biến đến từng gia đình trách nhiệm sử dụng, duy tu, bảo dưỡng nhằm kéo dài tuổi thọ của công trình, phát huy hiệu quả đầu tư của nguồn vốn nhà nước cũng như công sức đóng góp của người dân.

Trường hợp đối với các công trình mà có thể xác định được các hộ hưởng lợi trực tiếp (ví dụ công trình cung cấp nước sạch, kênh mương dẫn nước tưới,...), thôn, bản, tổ dân phố có thể nghiên cứu xây dựng cơ chế các hộ hưởng lợi trực tiếp đóng góp theo mức độ hưởng lợi (sử dụng nước sinh hoạt, nước cho sản xuất nông nghiệp,...) để có nguồn kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình.

Trường hợp, nhu cầu kinh phí duy tu bảo dưỡng vượt quá khả năng của người dân, trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, người dân kiến nghị đưa nhiệm vụ duy tu bảo dưỡng công trình vào kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.



6. Công khai nội dung thực hiện nguồn vốn.

6.1. Trách nhiệm công khai:

UBND xã có trách nhiệm công khai kết quả thực hiện NSPTX. UBND xã ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định.

6.2. Hình thức công khai:

Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh); thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng thôn, xóm, bản.

6.3. Thời gian công khai:

Kế hoạch thu, chi NSPTX của UBND xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp xã gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Kế hoạch thu, chi NSPTX đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, quyết toán

NSPTX đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

6.4. Mẫu biểu công khai

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

PHẦN III: MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN

1. Quyết định thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới (Ban quản lý xã)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: QĐ/UBND

A, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban quản lý xây dựng xã nông thôn mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20 của UBND tỉnh B về việc ban hành bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ kế hoạch số /KH – BCD-XDNTM ngày tháng năm 20 của BCD chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Xét đề nghị của văn phòng HĐND – UBND xã A.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban quản lý xây dựng xã nông thôn mới xã A gồm các ông(bà) có tên sau:

1. Ông ... - Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban;
2. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban thường trực;
3. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban;
4. Ông ... - CB Nông nghiệp - Thành viên;

5. Ông ... - Kế toán Ngân sách;
6. Bà ... - CB VP. UBND;
7. Ông ... - CB Địa chính;
8. Ông ... - CB. VHXXH;
9. Ông ... - CT.UBMTTQ;
- ...

Điều 2. Ban quản lý có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch số : /KH.UBND của Ủy ban nhân dân xã A ngày tháng năm , về kế hoạch hành động thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020.

2. Tổ chức tuyên truyền vận động và phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong cả hệ thống chính trị và đến tận người dân.

3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện, có phản ánh kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới do UBND xã ký quyết định thành lập, trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, sử dụng con dấu của UBND xã.

5. Thành viên Ban quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Kinh phí hoạt động của từng thành viên do cơ quan chịu trách nhiệm chi theo chế độ hiện hành.

6. Ban quản lý giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Văn phòng Ban quản lý thực hiện chương trình đặt tại Văn phòng UBND&HĐND xã và sử dụng con dấu của UBND xã.

Điều 4. Văn phòng UBND&HĐND và các ông(bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH

2. Quyết định về việc kiện toàn Ban quản lý ngân sách phát triển xã

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: QĐ/UBND

A, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban quản lý ngân sách phát triển xã năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh B về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018 của UBND huyện C về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND xã A về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND & UBND xã A,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban quản lý ngân sách phát triển xã gồm các ông(bà) có tên sau:

1. Ông ... - Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban;
 2. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban thường trực;
 3. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban;
 4. Ông ... - CB Nông nghiệp - Ủy viên;
 5. Ông ... - Kế toán Ngân sách - Ủy viên;
 6. Bà ... - CB VP. UBND - Ủy viên;
 7. Ông ... - CB Địa chính - Ủy viên;
 8. Ông ... - CB. VHXX - Ủy viên;
 9. Ông ... - CT.UBMTTQ - Ủy viên;;
 10. Ông ... - PCT. Hội nông dân - Ủy viên;;
 11. Ông ... - Trưởng xóm ... - Ủy viên;;
 12. Ông ... - Trưởng thôn... - Ủy viên;;
- ...

Điều 2. Ban quản lý có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng quy trình quản lý lồng ghép, minh bạch các nguồn lực tài chính tại xã do Sở Tài chính ban hành.
 2. Thực hiện quy trình quản lý và sử dụng Ngân sách phát triển xã đảm bảo giải ngân đúng tiến độ, đúng mục đích.
 3. Phối hợp với các thôn, tổ chức lập dự toán, trình UBND xã phê duyệt, tổ chức thực hiện nguồn vốn đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm của xã.
 4. Công khai, minh bạch tình hình sử dụng nguồn NSPTX.
- ...

Điều 3. Ban quản lý sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch và được phép mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước huyện để giao dịch, thanh toán, quyết toán theo quy định.

Điều 4. Văn phòng UBND&HĐND xã, các ban ngành, đoàn thể, thôn, xóm và các ông(bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH

3. Quyết định về việc kiện toàn Tổ thẩm định dự toán đối với công trình từ ngân sách phát triển xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: QĐ/UBND

A, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH **Về việc kiện toàn Tổ thẩm định dự toán đối với công trình từ ngân sách phát triển xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Thông tư 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày //2018 của UBND tỉnh B về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày //2018 của UBND huyện C về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày //2017 của UBND xã A về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND & UBND xã A,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Tổ thẩm định dự toán đối với công trình từ ngân sách phát triển xã gồm các ông(bà) có tên sau:

1. Ông ... - Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban;
2. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban thường trực;
3. Ông ... - PCT. UBND xã - Phó ban;
4. Ông ... - Kế toán Ngân sách - Ủy viên;
5. Bà ... - CB VP. UBND - Ủy viên;
6. Ông ... - CB Địa chính - Ủy viên;
7. Ông ... - CT.UBMTTQ - Ủy viên;;
8. Mời cán bộ chuyên môn của huyện tham gia Tổ thẩm định.
9. Công trình thực hiện tại xóm nào, trường xóm mời một số người có chuyên môn, kinh nghiệm và uy tín trong cộng đồng tham gia Tổ thẩm định

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định là đánh giá tính khả thi về kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự phù hợp của công trình với quy hoạch của địa phương; tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

Điều 4. Các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH

4. Dự toán đầu tư xây dựng công trình

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A
THÔN (hoặc BAN PHÁT
TRIỂN THÔN) C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

A, ngày tháng năm

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã...
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../..... của Ủy ban nhân dân xã..... phê duyệt nguồn ngân sách phát triển xã

Căn cứ

I. Thôn lập dự toán đầu tư công trình như sau:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...,...):
6. Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành:
7. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công, ...):
8. Quy định về thanh quyết toán:
9. Tổng hợp chi phí xây dựng (có thể lập thành biểu riêng, kèm theo):

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	M ³						

3	Cát	m ³						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m ³						
	...							
B	CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	...							
C	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
							
D	NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)							
	TỔNG CỘNG							

II. Ban Phát triển thôn đề nghị như sau:

1. Nhà nước hỗ trợ:

- + Khối lượng vật liệu ; tiền triệu đồng;
- + Chi phí quản lý: triệu đồng;

.....

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân: triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu... thì ghi rõ và quy ra tiền), gồm: Nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt...

Thôn... (hoặc Ban Phát triển thôn) đề nghị Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, thẩm định và phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;

TRƯỞNG THÔN...

- Ban quản lý xây dựng NTM xã;
- Tổ thẩm định...;
- Lưu....

**(hoặc BAN PHÁT TRIỂN
THÔN)**

Ghi chú về thông tin bảng tổng hợp chi phí xây dựng:

- (4) ở đây là định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (hoặc tương đương giá thị trường) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính -ĐVT (1km kênh mương, 1km đường giao thông; 1 công trình nhà văn hóa...);
- (5) là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3km đường, 2 km kênh, 5 công...);
- (6) là khối lượng (VL, MTC, NC) = (4)*(5);
- (7) là đơn giá VL, MTC, NC được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền;
- (8) Tổng chi phí thành tiền = (6)*(7)

5. Báo cáo thẩm định dự toán của Tổ thẩm định

UBND XÃ
TỔ THẨM ĐỊNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**
Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../..... của Ủy ban nhân dân xã..... phê duyệt nguồn ngân sách phát triển xã

- Căn cứ vào biên bản họp thẩm định
- Căn cứ

Sau khi thẩm định, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự toán đầu tư công trình, tại

thôn với các nội dung như sau (gửi kèm theo dự toán đầu tư công trình):

I. Nội dung:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...):
6. Tổng vốn đầu tư:
 - Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ:...
 - Nguồn vốn do dân góp:...
- ...
7. Thời gian thực hiện
8. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công, ...):
9. Các nội dung khác (nếu có):

.....
II. Kiến nghị:

1. Nội dung thống nhất:
2. Nội dung chưa thống nhất (nếu có):
3. Nội dung khác:

.....
Tổ thẩm định, kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Ban Phát triển thôn;
- Lưu....

TM. TỔ THẨM ĐỊNH

6. Quyết định phê duyệt dự toán xây dựng công trình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: QĐ/UBND

A, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh... về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018 của UBND huyện ... về việc phân bổ chi tiết ngân sách phát triển xã năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND xã ... về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017;

Xét Báo cáo thẩm định dự toán xây dựng công trình của Tổ thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán công trình ... cụ thể:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư:
4. Quy mô xây dựng:

...

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nguồn vốn thực hiện:

Kinh phí từ ngân sách phát triển xã do Nhà nước hỗ trợ số tiền là: Đồng

Điều 3. Giao Ban quản lý xã (hoặc Ban quản lý ngân sách phát triển xã) tổ chức thực hiện và báo cáo theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban quản lý...;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH

7. Quyết định về việc chỉ định thầu cho cộng đồng địa phương, tổ, nhóm thợ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: QĐ/UBND

A, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH Về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND xã ... về việc quyết định dự toán xây dựng công trình...;

Xét kết quả mời thầu đối với cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn cộng đồng (tổ, nhóm thợ) thi công công trình xây dựng...

1. Nội dung gói thầu:

2. Tổ thợ trúng thầu:

a) Đại diện:

b) Địa chỉ:

c) Số tài khoản:

....

3. Giá trị trúng thầu:

(Có nội dung chi tiết gói thầu kèm theo)

Điều 2: Giao Ban quản lý .. , Tài chính – Kế toán, Địa chính – Xây dựng, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Ban quản lý...;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH

8. Biên bản bàn giao

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BB

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN

Giữa(bên giao) và
.....(bên nhận)

Hôm nay ngày tháng năm tại đã tiến hành cuộc họp bàn giao tài sản giữa (bên giao) và (bên nhận) thực hiện theo của ngày

I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1/ Bên giao:

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Bà: Chức vụ:

2/ Bên nhận:

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Bà: Chức vụ:

Chủ tọa: Ông

Thư ký: Ông

II/ NỘI DUNG BÀN GIAO:

Bên đã tiến hành bàn giao tài sản cho bên theo biểu thống kê sau:

Bản thống kê tài sản bàn giao

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Cộng:					

Tổng giá trị: Bằng số

Bằng chữ

Kể từ ngày số tài trên do bên
..... chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này lập thành 4 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 2 bản, bên nhận giữ 2 bản.

BÊN GIAO

BÊN NHẬN

THƯ KÝ

CHỦ TỌA

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015.
2. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
3. Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.
4. Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về lập quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 - 2020
5. Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn
6. Nghị quyết số 114/2015/NQ-HĐND ngày 03/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ ngân sách phát triển xã giai đoạn 2016 - 2020.
7. Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức, thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.
8. Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quy trình lập, chỉ đạo thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.
9. Thông tư 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020
10. Công văn số 638/UBND-NNTN ngày 03/6/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc hướng dẫn một số nội dung cụ thể thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

11. Bộ chứng từ thanh toán, quyết toán đối với nguồn NSPTX của các xã Hợp Hòa, Cao Rằm của huyện Lương Sơn; Chiềng Châu, Nà Phòn, huyện Mai Châu năm 2017.

12. Công văn số 927/KHĐT-THQH ngày 29/6/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã của tỉnh Hoà Bình.

13. Công văn số 653/HD/SKHĐT-NN ngày 03/6/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư các công trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2014 - 2020.



Sổ tay được thực hiện trong khuôn khổ Dự án **“Thúc đẩy công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý ngân sách nhà nước”** do Liên minh Châu Âu - EU và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam tài trợ thông qua Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP), Trung tâm Hành động vì sự phát triển cộng đồng (ACDC).

Nội dung tài liệu không phản ánh quan điểm của nhà tài trợ dưới bất kỳ hình thức nào.